



DOHACO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2020

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường cộng đồng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá trách nhiệm môi trường và xã hội

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành

Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Các nghị quyết / quyết định trong năm

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

1

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
Tên tiếng Anh	: DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	1300358260 được cấp lần đầu ngày 02/04/2003 và thay đổi lần thứ 18 vào ngày 18/02/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp
Vốn điều lệ	: 559.957.830.000 đồng
Địa chỉ	: Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
Số điện thoại	: 0275.3611.666 - 0275.3611.777
Số fax	: 0275.3635.222 - 0275.3611.222
Website	: www.dohacobentre.com.vn
Mã cổ phiếu	: DHC



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2003

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre được thành lập theo quyết định 4278 QĐ-UB của UBND tỉnh Bến Tre. Tiền thân của Công ty chính là Nhà máy Bao bì, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành thủy sản tỉnh Bến Tre.

2008

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức trở thành công ty đại chúng.

2009

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) với mã chứng khoán DHC.

2011

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tổ chức lễ khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động nhà máy giấy Giao Long (giai đoạn I) và nhà máy Bao bì số 02.

2015

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức chuyển trụ sở chính của công ty về địa chỉ Lô AIII Khu Công Nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2016

Công ty triển khai thực hiện Dự án Nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2 với công suất 660 tấn/ ngày. Dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2019.

2017

Tăng vốn điều lệ từ 255.846.030.000 đồng lên 344.597.690.000 đồng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2019

Đưa nhà máy Giao Long giai đoạn 2 đi vào hoạt động chính thức.

Tăng vốn điều lệ lên 447.975.260.000 đồng bằng phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 20% cho năm 2018, nâng vốn điều lệ lên 537.567.830.000 đồng.

Cuối năm, Công ty phát hành ESOP 2.239.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ lên đến 559.957.830.000 đồng.

2020

Thông qua Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HĐQT ngày 23/03/2020 thành lập Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre là công ty con, trực thuộc công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre Để triển khai thực hiện Dự án nhà máy Bao Bì số 1

2018

Tăng vốn điều lệ từ 344.597.690.000 đồng lên 413.515.490.000 đồng do trả cổ tức năm 2017.



CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

- Giấy chứng nhận sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO
- Cúp vàng sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO
- Giấy chứng nhận top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam - 2008
- Cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt
- Giấy chứng nhận Thương hiệu uy tín chất lượng - 2009
- Huy chương vàng danh hiệu: Chất lượng Việt Nam - Phù hợp tiêu chuẩn - 2013
- Chứng nhận nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam - 2009
- Cúp vàng Thương hiệu - Sản phẩm - Uy tín - Chất lượng -2008
- Cờ thi đua của Chính phủ là Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2018.
- Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất 2019 - Nhịp cầu đầu tư
- Cờ thi đua của Chính phủ là đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2019.







NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
1	Sản xuất bột giấy, giấy và bì	1701 (Chính)
2	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
3	In ấn và dịch vụ liên quan đến in	1811; 1812

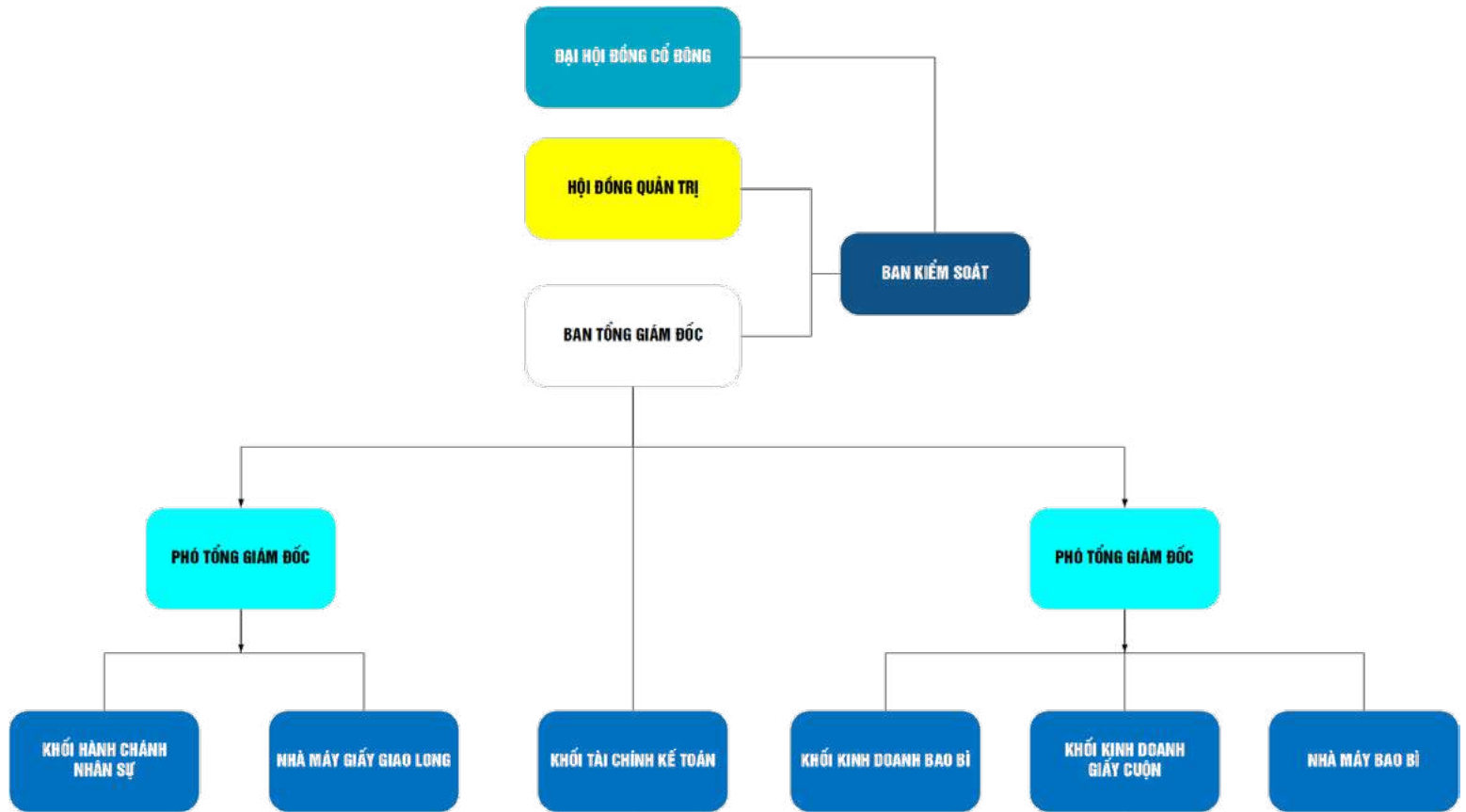
Địa bàn hoạt động

Công ty hoạt động kinh doanh chính ở khu vực miền nam, đặc biệt là ba vùng kinh tế trọng điểm lớn của cả nước là ĐBSCL, TP.HCM và Đông Nam Bộ. Đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, tập trung nhiều ngành nghề sản xuất và chế biến dẫn đến nhu cầu cao về giấy và bao bì.





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty con, Công ty liên kết:

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

Địa chỉ: 126 ấp Long Thạnh, xã Long Giao, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Giấy chứng nhận ĐKDN số: 1300990134

Vốn điều lệ thực góp: 2.600.000.000 đồng

Tỷ lệ: 26%

Công ty con sở hữu trực tiếp

Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

Địa chỉ: Lô AIV-8, AIV-9, Khu Công Nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Giấy chứng nhận ĐKDN số: 1301091115 đăng ký lần đầu ngày 28/04/2020, cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 15/01/2021

Vốn điều lệ thực góp: 50.000.000.000 đồng

Tỷ lệ: 100%



Mục tiêu chủ yếu: “Phát triển thành doanh nghiệp vững mạnh, lấy 02 dòng sản phẩm giấy kraft - bao bì carton làm trọng tâm phát triển”. Tìm kiếm đối tác mới để mở rộng thị trường và gia tăng thị phần trong phân khúc giấy công nghiệp. Phương châm hành động “Khép kín quy trình sản xuất - phát triển quy mô năng lực - nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Chiến lược trung và dài hạn



Trong dài hạn, Công ty đề ra mục tiêu cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường vừa đáp ứng xu hướng tiêu dùng vừa góp phần củng cố nền tảng phát triển của Công ty. Đẩy mạnh mở rộng thị trường nội địa, quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy

DOHACO nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm trước

các đối thủ trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, phát triển các kỹ năng quản lý.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm và có những hành động thiết thực đối với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.

Tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.

Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải chất lượng cao để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh.

Quan tâm đời sống của công nhân viên, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội.

Tích cực hỗ trợ và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, từ thiện tại địa phương, đóng góp vì Trường Sa, Hoàng Sa...



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới, theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của thế giới -4,4%. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới và là quốc gia duy nhất trong khu vực ASEAN đạt tăng trưởng dương. Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2020, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng trưởng 2,91% so với năm 2019. Tổng tiêu dùng giấy toàn ngành ước đạt 5,448 triệu tấn, tăng trưởng nhẹ 0,2%. Xuất khẩu giấy đạt 1,75 triệu tấn, về giá trị đạt gần 2,0 tỷ USD và tăng trưởng 76,5%, đạt mức tăng trưởng cao cả về lượng và giá trị trong giai đoạn 2015 - 2020. Đây rõ ràng là những tín hiệu tích cực đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành giấy. Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp của Đại dịch Covid-19, để hạn chế rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre phải luôn có những cập nhật, nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế kịp thời, để có thể theo dõi những biến động từ đó đề ra những chiến lược phù hợp cho từng thời kì.

Rủi ro cạnh tranh

Giai đoạn 2019-2025 nhiều dự án của một số doanh nghiệp cùng ngành như Công ty Cổ phần Giấy Tân Mai, Công ty Cổ phần Miza, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà,... sẽ đi vào hoạt động kéo theo sản lượng toàn ngành sản xuất giấy kraft có thể đạt 2,31 triệu tấn/năm vào năm 2026. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI đổ vào ngành giấy Việt Nam ngày càng nhiều trong những năm gần đây sẽ làm cho cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trở nên khốc liệt hơn. Lợi thế của DHC là nhà máy Giao Long 2 đi vào hoạt động sớm hơn các đối thủ cạnh tranh nhưng về lâu dài có thể bị thu hẹp thị phần do các dự án khác có thể hoạt động hiệu quả và giá thành hợp lý hơn. Để hạn chế rủi ro cạnh tranh ngành giấy, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre cần chủ động trong việc quản lý bộ máy vận hành, luôn cập nhật xu hướng tiêu dùng của khách hàng từ đó có thể cải thiện chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.



Rủi ro pháp luật

Là một công ty đại chúng, hoạt động của DHC chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như Bộ Luật Lao động và một số văn bản pháp luật có liên quan khác. Luật Chứng khoán (2019) và Luật Doanh nghiệp (2020) đã được Quốc Hội ban hành, chính thức có hiệu lực vào 01/01/2021. Công ty đại chúng sẽ phải thay đổi khá nhiều trong việc quản trị công ty, công bố thông tin để tăng sự minh bạch đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Cùng với sự hội nhập toàn cầu, Việt Nam đã và sẽ tham gia vào nhiều tổ chức kinh tế thế giới dẫn đến hệ thống pháp luật nước ta phải thay đổi dần để phù hợp với thông lệ quốc tế. Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật Công ty cần liên tục cập nhật và tuân thủ những quy định pháp luật tránh vi phạm dẫn đến thiệt hại cho Công ty.





CÁC RỦI RO

Rủi ro nguyên liệu đầu vào:

Trong năm 2021, Trung Quốc sẽ áp dụng lệnh cấm hoàn toàn nhập khẩu chất thải rắn, bao gồm cả giấy thu hồi (RCP), điều này sẽ làm ngành công nghiệp bột giấy, giấy và bì toàn cầu sẽ có sự thay đổi về cấu trúc. Các nhà sản xuất buộc phải thay đổi chính sách tiếp cận đối với giấy thu hồi (RCP) và bột giấy tái chế, dẫn đến việc gia tăng chi phí. Từ Châu Mỹ và Châu Âu đến Ấn Độ, Việt Nam, Indonesia và Thái Lan, mọi thị trường đều bị ảnh hưởng. Có thể thấy rằng, ngành công nghiệp sản xuất giấy phụ thuộc rất lớn vào nguyên liệu đầu vào, mà giá giấy OCC chiếm trên 50% tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Để có thể hoạt động hiệu quả công ty cần nguồn nguyên liệu đầu vào rất lớn khi mà nhà máy Giao Long 2 phải hoạt động hết công suất để đảm bảo khả năng hoàn vốn.

Để hạn chế rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào, công ty cần có những kế hoạch cụ thể về cung ứng nguyên liệu cho từng nhà máy. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần tìm thêm những nguồn thu mua nguyên vật liệu nước ngoài để đảm bảo việc cung ứng kịp thời khi có sự cố thiếu hụt nguyên vật liệu trong nước.



Rủi ro tỷ giá

Nguyên liệu quan trọng nhất để sản xuất giấy là giấy OCC, chiếm trên 50% tổng chi phí sản xuất kinh doanh nhưng DHC vẫn đang phải mua từ nước ngoài, do nhu cầu trong nước không đủ đáp ứng (chỉ chiếm khoảng 50%-60%). Do đó, chi phí sản xuất của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi tỷ giá.

Kết thúc năm 2020, tỷ giá VND/USD vẫn ở mức ổn định nhưng với việc Việt Nam bị Bộ thương mại Mỹ đưa vào danh sách các quốc gia thao túng tiền tệ phần nào sẽ có ảnh hưởng đến tỷ giá đồng Việt Nam so với đô la Mỹ trong thời gian tới. Chính vì vậy, để giảm thiểu rủi ro về tỷ giá DHC cần liên tục theo dõi và phân tích tỷ giá, đưa ra những chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn của Công ty.



Rủi ro lãi suất

Cơ cấu nợ phải trả của DHC phần lớn đến từ vay và nợ thuê tài chính cả ngắn hạn và dài hạn chiếm gần 48,93% trên tổng nợ phải trả. Có thể thấy rằng, bất kỳ sự biến động nhỏ trong lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của DHC. Mặc dù lãi suất cho vay ở thời điểm hiện tại chưa cao, cũng như đòn bẩy tài chính của DHC ở mức an toàn nhưng Công ty cần theo dõi liên tục lãi suất để tránh những rủi ro về biến động lãi suất ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập, những rủi ro khó lường khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và lợi nhuận của công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch, lũ lụt,... Đặc biệt khi mà đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, công ty luôn phải chủ động đề phòng, xây dựng những biện pháp về an ninh, y tế. Công ty thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ nhân viên công ty nắm bắt và có biện pháp phòng tránh kịp thời để giảm thiệt hại về người và tài sản.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ KHAI THÁC TÀI SẢN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

**TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ
SỞ HỮU**

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

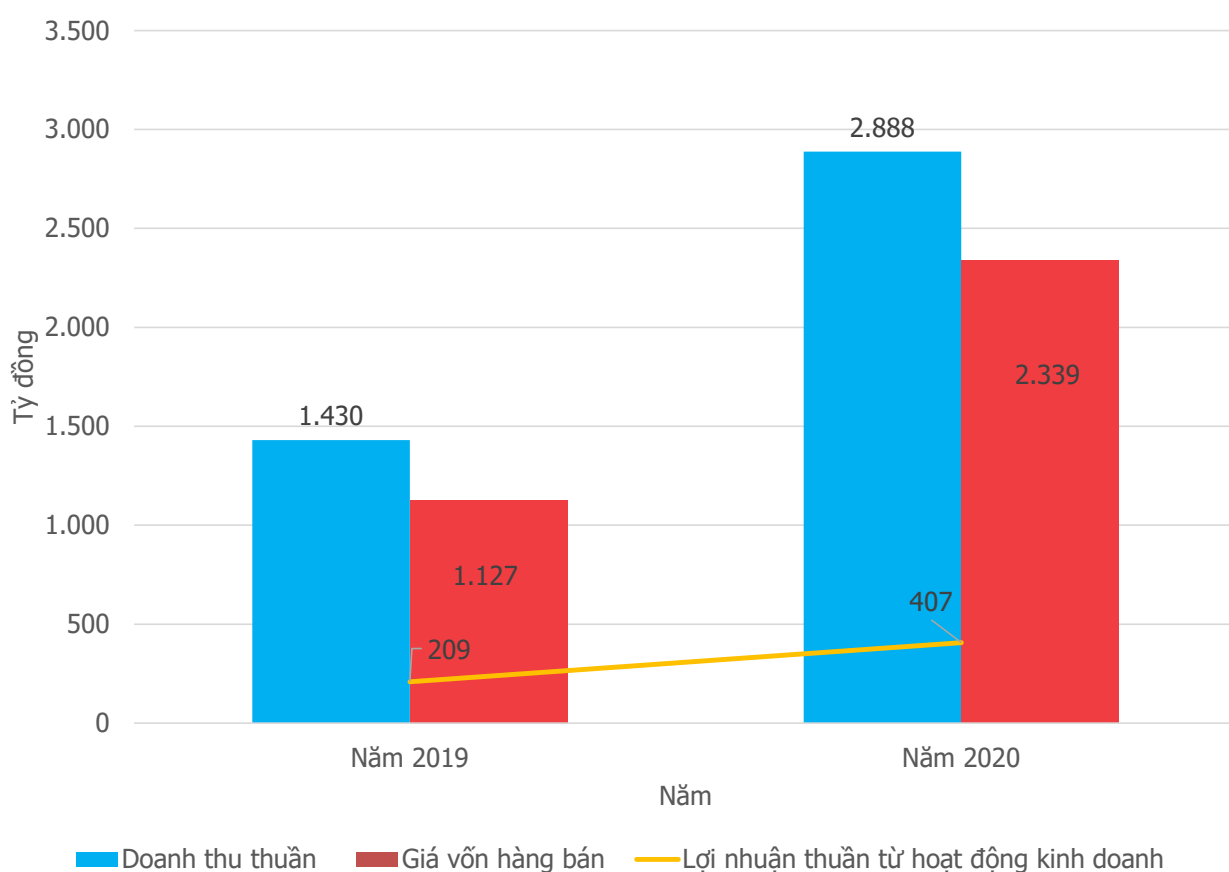


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	1.429.886	2.887.571	101,94%
Giá vốn hàng bán	1.126.524	2.339.353	107,66%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	208.992	406.819	94,66%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	182.403	391.924	114,87%

Năm 2020, Đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến toàn nền kinh tế nói chung và bản thân DHC nói riêng. Vượt lên trên tất cả khó khăn, thử thách, toàn thể CBCNV và đội ngũ Ban lãnh đạo Công ty đã đạt được những thành quả đáng khích lệ. Cụ thể, doanh thu thuần ghi nhận tăng trưởng 101,94% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 114,87% so với năm 2019.



GỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lê Bá Phương

Ngày sinh	20/11/1964
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Thời gian	Chức vụ
11/1987 - 07/2012	Làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre
08/2012 - 07/2013	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
07/2013 - 06/2014	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
06/2014 - 31/07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
01/08/2020 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Bà Hồ Thị Song Ngọc

Ngày sinh	11/02/1983
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Thời gian	Chức vụ
09/2005 - 08/2006	Nhân viên văn thư - hành chính lễ tân thuộc phòng Hành chính nhân sự - Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
09/2006 - 03/2008	Nhân viên tiếp nhận và triển khai đơn hàng thuộc phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
04/2008 - 08/2010	Phó Giám đốc Kinh Doanh - Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
09/2010 - 04/2012	Giám đốc Kinh doanh - Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
05/2012 - 05/2017	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
05/2017 - 04/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
04/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre. Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

Ông Lương Văn Thành

Ngày sinh 12/11/1962

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

Thời gian	Chức vụ
11/1986 - 09/1999	Phó Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng.
09/2003 - 10/2003	Trưởng phòng đầu tư phát triển - Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
11/2003 - 07/2012	Trưởng phòng quản trị - Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
08/2012 - 06/2014	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
06/2014 - 05/2017	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
05/2017 - 31/07/2020	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
08/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Bà Lê Thị Hoàng Huệ

Ngày sinh 09/03/1973

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Thời gian	Chức vụ
1994 - 1996	Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bến Tre.
1996 - 2003	Phó phòng kế toán Công ty Đông Lạnh Thủy sản Xuất khẩu Bến Tre
2003 - 2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre.
2009 - 05/2013	Trưởng bộ phận kế toán giao dịch Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Bến Tre.
07/2013 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính đến thời điểm 31/12/2020)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch	3.988.000	7,12%
2	Ông Lê Bá Phương	Phó chủ tịch	4.500.008	8,04%
3	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên	2.895.308	5,17%
4	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	2.150.007	3,84%
5	Ông Macro Martinelli	Thành viên	130.000	0,23%

Ông Lương Văn Thành

(Xem phần lý lịch Ban Tổng Giám đốc)

Ông Lê Bá Phương

(Xem phần lý lịch Ban Tổng Giám đốc)

Ông Lê Quang Hiệp

Ngày sinh 22/08/1955

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân

Thời gian	Chức vụ
1983 - 1985	Phó Phòng Kỹ thuật Liên hiệp Xí nghiệp Nhựa Thành phố Hồ Chí Minh.
1985 - 1994	Giám đốc Xí nghiệp Quốc doanh nhựa Thành phố Hồ Chí Minh.
1994 - 2004	Giám đốc Công ty Nhựa Đô Thành Thành phố Hồ Chí Minh.
2004 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành.
2007 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Ngày sinh 27/11/1963

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân

Thời gian	Chức vụ
1987 - 03/1992	Nhân viên Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex.
04/1992 - 11/1993	Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh.
12/1993 - 04/2001	Phó Phòng, Trưởng Phòng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh
2001 - 05/2007	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
06/2012 - 08/2013	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre.
06/2007 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.
05/2012 - 05/2017	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
05/2017 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Ông Macro Martinelli

Ngày sinh 11/12/1978

Quốc tịch Thụy Sĩ

Trình độ chuyên môn Cử nhân

Thời gian	Chức vụ
08/1998 - 12/1999	Nhân viên Ngân hàng Credit Suisse Thụy Sĩ
01/2000 - 09/2000	Quản lý danh mục đầu tư Ngân hàng Generale du Luxembourg
10/2000 - 07/2013	Giám đốc Turicum Investment Management AG
08/2013 - 04/2016	Quản lý danh mục đầu tư Daragon Capital Group
05/2016 - nay	Giám đốc Turicum Investment Management AG

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

(Tính đến thời điểm 31/12/2020)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban	15.480	0,03%
2	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	2.060	0,004%
3	Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên	0	0,00%

Bà Đoàn Thị Bích Thúy

Ngày sinh 11/05/1985
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán

Thời gian	Chức vụ
12/2015 - 11/2007	Kế toán Công ty TNHH SXTM Thép Đại Thiên Lộc.
12/2007 - 3/2011	Kế toán Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.
04/2011 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
05/2017 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Bà Đoàn Hồng Lan

Ngày sinh 17/04/1986
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Thời gian	Chức vụ
11/2006 - 01/2009	Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
01/2009 - nay	Nhân viên Quản lý Nhân sự Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
04/2012 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Ông Lê Hoàng Phong

Ngày sinh 01/01/1985

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ

Thời gian	Chức vụ
2008-2014	Chuyên viên tư vấn Quản lý dự án Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 - Tập Đoàn Điện lực Việt Nam
09/2015 - Nay	Giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn phụ trách Khoa Quản trị, Trường Đại học Luật TP.HCM
12/2020 - nay	Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Tatsuyuki Ota	TV.HĐQT	25/06/2016	15/07/2020
02	Ông Nguyễn Phan Dũng	TV.HĐQT	20/05/2017	15/07/2020
03	Ông Marco Martinelli	TV.HĐQT	26/06/2020	
04	Bà Mai Ngọc Huyền	TV.BKS	24/05/2019	10/12/2020
05	Ông Lê Hoàng Phong	TV.BKS	10/12/2020	

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Tình hình nhân sự công ty tương đối ổn định. Số lượng cán bộ công nhân viên của công ty đến ngày 31/12/2020 là 540 người, tăng 51 người so với năm 2019 (Chủ yếu là tăng nhân sự cho Nhà máy Giao Long 2).

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	540	100
1	Trình độ trên đại học	1	0,19
2	Trình độ đại học, cao đẳng	145	26,85
3	Trình độ trung cấp	40	7,41
4	Công nhân kỹ thuật	34	6,30
5	Lao động phổ thông	320	59,26
B	Theo loại hợp đồng lao động	540	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	230	42,59
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	04	0,74
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	306	56,67
C	Theo giới tính	540	100,00
1	Nam	480	88,89
2	Nữ	60	11,11

HUMAN RESOURCES



Chính sách phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty cũng thường tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi du lịch hàng năm.

Chính sách nhân sự

Công ty thực hiện chế độ làm việc 48 giờ/tuần; các chế độ làm thêm giờ, nghỉ lễ, phép, nghỉ khác tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Nhân viên được cấp đồng phục; máy tính cùng các thiết bị hỗ trợ văn phòng; phí công tác, bữa ăn trưa,...

Tùy theo vị trí công việc nhân viên còn được trang bị máy tính xách tay, cùng nhiều chế độ khác.

Chính sách đánh giá thành tích nhân viên

Việc đánh giá thành tích nhân viên được thực hiện định kỳ và theo ba tiêu chí: Kết quả công việc - Kỹ năng - Thái độ.

Thông qua đánh giá thành tích, cấp quản lý nhận diện được những nhân viên tiềm năng để đưa vào quy hoạch đội ngũ kế thừa, đồng thời lập kế hoạch đào tạo cho nhân viên. Đây cũng là cơ sở để xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

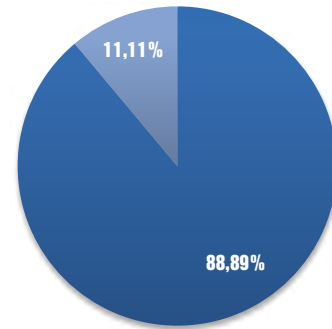
Chính sách tiền lương, thưởng

DHC xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trong toàn Công ty.

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên. Về cơ bản, tại Công ty có các chế độ thưởng như sau:

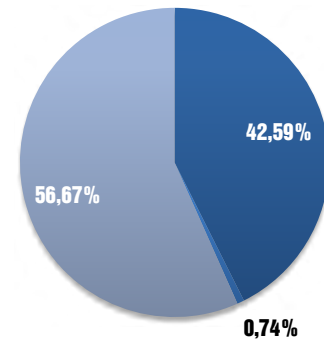
- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật
- Thưởng người tốt việc tốt
- Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc
- Thưởng cho công trình sản phẩm mới
- Thưởng đột xuất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong kỳ.

PHÂN LOẠI THEO GIỚI TÍNH



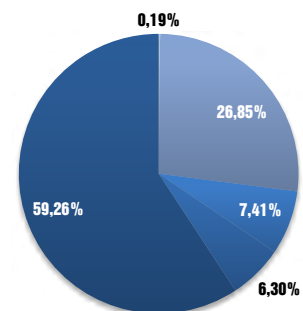
■ Nam ■ Nữ

PHÂN LOẠI THEO HỢP ĐỒNG



■ Hợp đồng không thời hạn
■ Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
■ Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

PHÂN LOẠI THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



■ Trình độ trên đại học
■ Trình độ đại học, cao đẳng
■ Trình độ trung cấp
■ Công nhân kỹ thuật
■ Lao động phổ thông

THU NHẬP BÌNH QUÂN

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2017	403	7.301.366
2	2018	419	7.412.155
3	2019	489	7.589.887
4	2020	540	8.720.000

Công ty rất chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, xây dựng chính sách lương phù hợp với từng người. Năm 2020, thu nhập bình quân/lao động đạt hơn 8,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14,89% so với năm 2019.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Trong năm 2020, công ty đã đưa dây chuyền sản xuất của Nhà máy giấy Giao Long PM2 đi vào hoạt động ổn định. Sản lượng và chất lượng giấy đạt được như kế hoạch đã đề ra. Cán bộ công nhân viên từng bước làm chủ được công nghệ.
- Đối với việc triển khai xây dựng công ty con: Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre:
 - + Công ty Đông Hải đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 26/NQ-HĐQT ngày 04/11/2020 về việc góp vốn thêm vào công ty con. Theo đó, tổng số vốn điều lệ của công ty sau khi góp thêm là 50 tỷ đồng.
 - + Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,..). Đồng thời, công ty cũng đang tiến hành xây dựng cơ bản và đấu thầu mua máy móc thiết bị cho Dự án.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

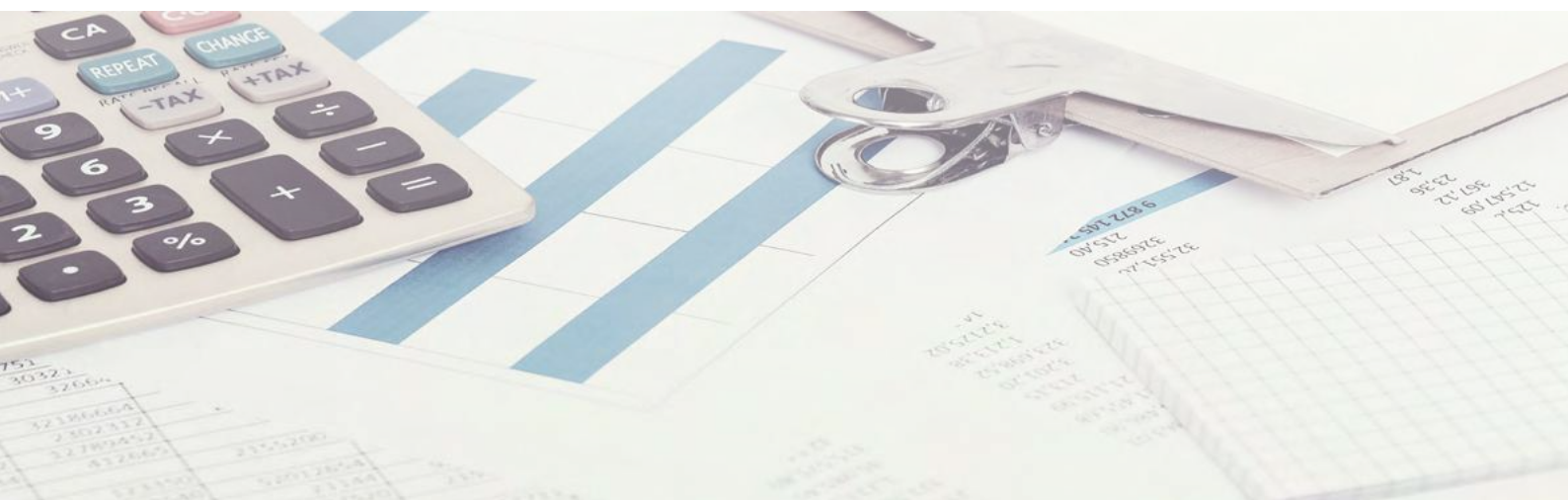
KHOẢN PHẢI THU

Khoản phải thu ngắn hạn của Công ty ghi nhận đạt 563,827 tỷ đồng trong năm 2020, tăng 45,56% so với năm 2019. Trong đó, khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu khoản phải thu của Công ty và khoản mục này tăng 39,99% so với năm 2019, có thể kể đến các khoản phải thu ngắn hạn của các khách hàng: Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam, Công ty TNHH Bao bì YFY Hà Nam, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Vĩnh Hưng Đạt, tổng khoản phải thu của ba công ty này chiếm 20,09% trong cơ cấu khoản phải thu khách hàng, lần lượt tăng 44,57%, 27,47% và 6,48% so với năm 2019.

Khoản phải thu khách hàng khác tăng mạnh trong năm 2020 với mức tăng 42,86% so với năm 2019, khoản mục này chiếm 79,91% trong cơ cấu khoản phải thu khách hàng. Bên cạnh đó, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 161,44% so với năm 2019.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	387.341	563.827
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	377.627	528.622
Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.063	39.381
Phải thu ngắn hạn khác	1.816	2.988
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(7.165)	(7.164)



KHOẢN PHẢI TRẢ

Tổng nợ năm 2020 giảm 105,56 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 10,61% so với năm 2019, mức giảm chủ yếu đến từ khoản mục nợ dài hạn. Trong đó, khoản vay và nợ dài hạn đã giảm 67,05%, nguyên nhân giảm chủ yếu do Công ty trong năm đã trả nợ vay 295 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Tiền Giang (khoản vay này chịu lãi suất trung hạn 7,8%/năm và được thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất; các máy móc, thiết bị chính của nhà máy giấy Giao Long và toàn bộ tài sản của nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2)

Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn ghi nhận mức tăng 34,14% so với năm 2019, nguyên nhân chính yếu là do khoản phải trả người bán ngắn hạn trong năm tăng 77,81% do Công ty thực hiện thu mua một lượng lớn nguyên vật liệu cùng với các tài sản khác để hỗ trợ cho việc vận hành tối đa công suất nhà máy giấy mới. Tại thời điểm ngày 31/12/2020 Công ty không có khoản vay ngắn hạn quá hạn thanh toán.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
Nợ ngắn hạn	554.942	744.385
Phải trả người bán ngắn hạn	229.910	408.815
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.075	2.111
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.882	14.752
Phải trả người lao động	14.738	17.989
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.724	7.803
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0
Phải trả ngắn hạn khác	2.844	2.624
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	258.769	290.182
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0
Nợ dài hạn	440.000	145.000
Vay và trả nợ dài hạn	440.000	145.000

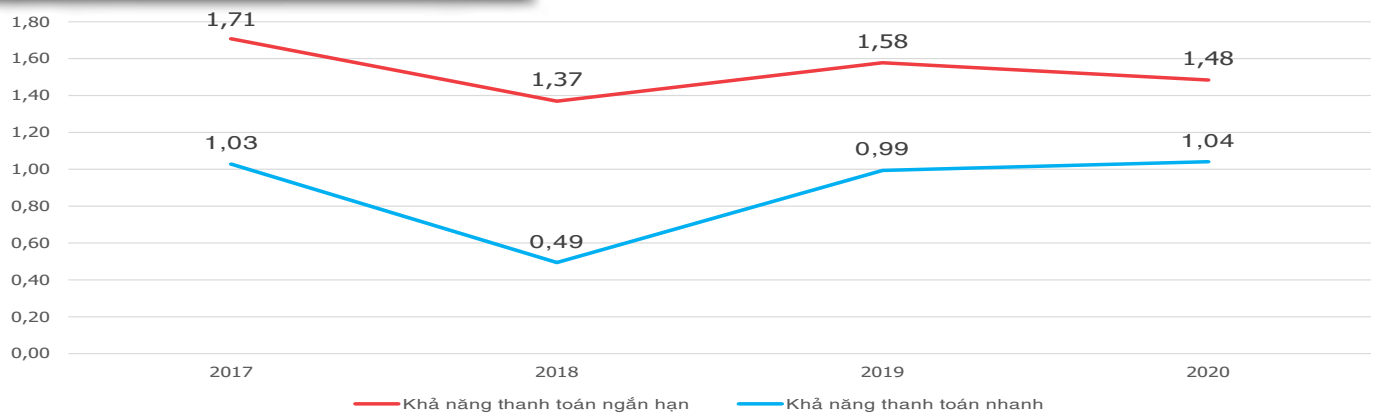
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,58	1,48
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,99	1,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,06	38,93
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	88,90	63,76
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,48	7,48
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,73	1,31
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,76	13,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,60	31,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,29	17,82
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,62	14,09



KHẢ NĂNG THANH TOÁN



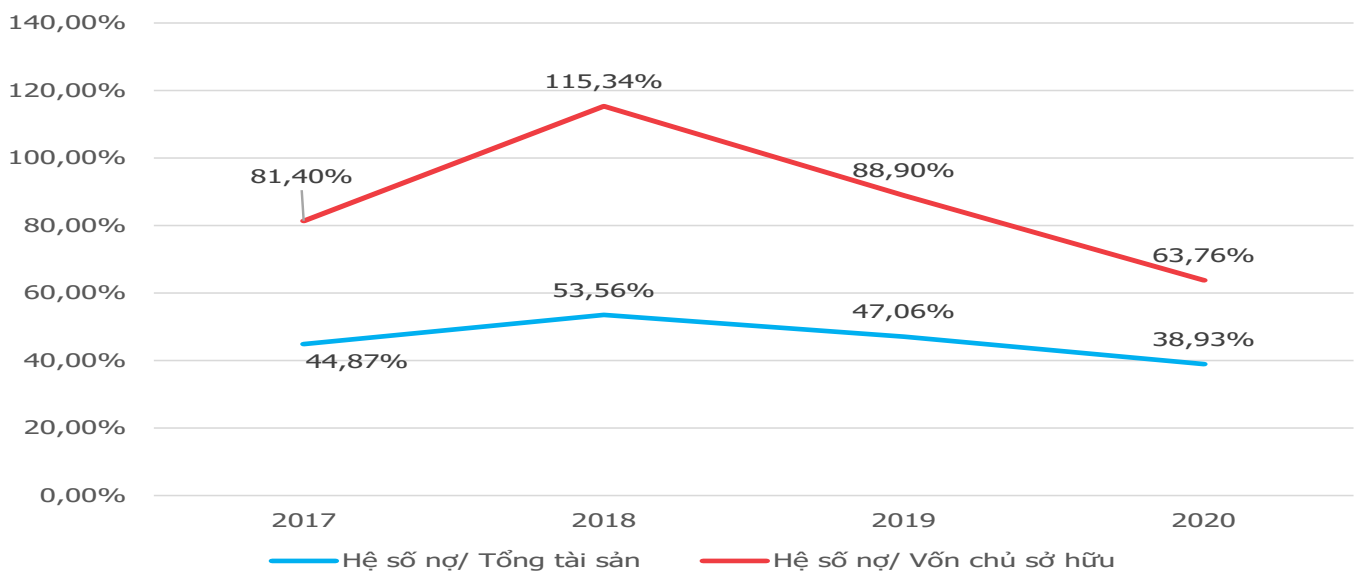
Hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2020 đạt mức 1,48, giảm so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do các khoản nợ vay ngắn hạn tăng, cụ thể là khoản phải trả cho người bán ngắn hạn tăng 178,9 tỷ đồng so với năm 2019.

Hệ số thanh toán nhanh trong năm 2020 tăng so với năm 2019, đạt mức 1,04. Nguyên nhân do tài sản ngắn hạn trong năm 2020 tăng 229 tỷ so với năm 2019 và khoản tăng này đến từ

khoản tiền - tương đương tiền và khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh so với năm 2019, điều này đã góp phần làm tăng hệ số thanh toán nhanh.

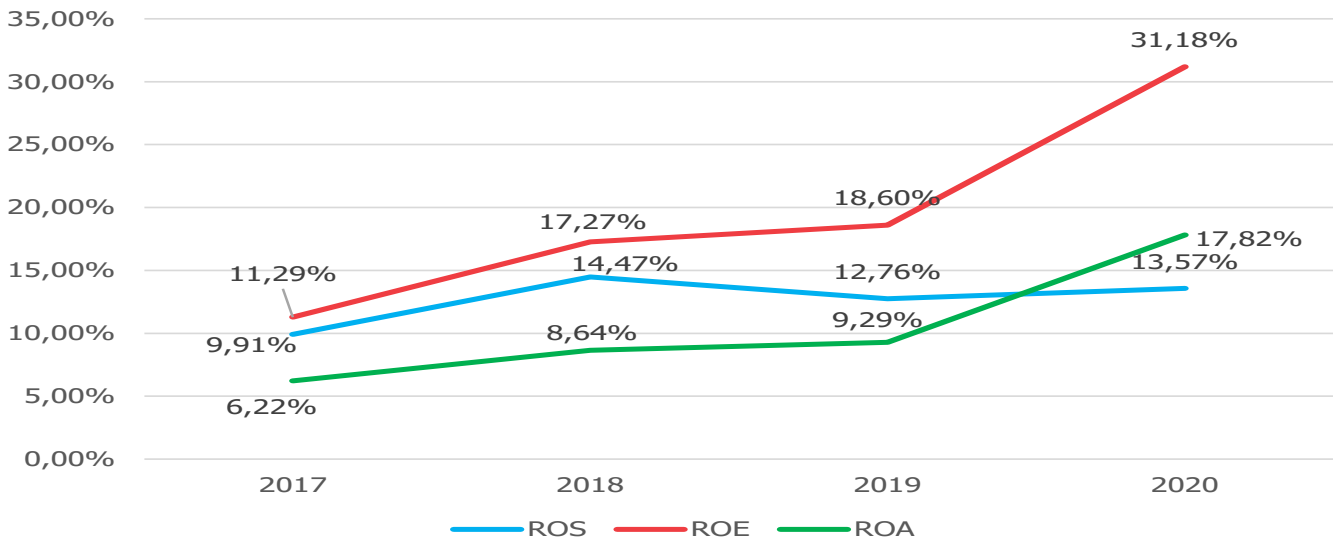
Nhìn chung, các hệ số thanh toán trong năm 2020 duy trì trên mức 1,00 đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn của Công ty, cũng như đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của DHC.

CƠ CẤU VỐN



Hệ số nợ/Tổng tài sản và hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu tiếp tục ghi nhận các mức giảm lần lượt 0,38 và 0,63 trong năm 2020. Tính đến thời điểm cuối năm, nợ phải trả giảm 105,56 tỷ đồng trong khi đó vốn chủ sở hữu và tổng tài sản ghi nhận các mức tăng lần lượt là 275,80 tỷ đồng và 170,24 tỷ đồng so với năm 2019. Hệ số nợ giảm nguyên nhân do trong những năm về trước, DHC đã sử dụng phần lớn nợ vay để tài trợ cho nhà máy giấy Giao Long 2. Đến năm 2020, Công ty chỉ còn phải sử dụng nợ để dự trữ nguyên vật liệu đầu vào nhằm đủ đáp ứng việc sản xuất giấy kraft cũng như thành phẩm bao bì. Tóm lại, cơ cấu vốn của DHC hiện tại vẫn ở mức hợp lý.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



Năm 2020, đối mặt với ảnh hưởng tiêu cực do đại dịch Covid-19 gây ra nhưng Công ty đã vượt lên trên mọi khó khăn để đạt được những mức tăng trưởng dương. Các chỉ tiêu ROS, ROA và ROE, lần lượt ghi nhận các mức tăng lần lượt là: 13,57%, 17,82% và 31,19%.

Việc nhà máy giấy Giao Long 2 đi vào hoạt động đã góp phần thúc đẩy sản lượng sản xuất từ đó làm tăng lượng hàng bán ra của Công ty. Bên cạnh đó việc kiểm soát ổn định giá nguyên vật liệu đã giúp Công ty có được những thành quả tích cực trong năm 2020.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2020 ghi nhận các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của DHC tăng đáng kể. Trong đó vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản lần lượt đạt 7,48 và 1,31. Giá vốn hàng bán tăng mạnh so với năm 2019, Chi phí nguyên liệu, vật liệu tăng là nguyên nhân chủ yếu làm tăng giá vốn hàng bán của Công ty. Bên cạnh đó, lượng hàng tồn kho trong năm 2020 chỉ tăng nhẹ, những điều này đã làm cho vòng quay hàng tồn kho trong năm 2020 tăng mạnh.

Việc nhà máy giấy Giao Long 2 đi vào hoạt động đã góp phần làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty. Doanh thu năm 2020 tăng 101,94% so với năm 2019, từ đó ghi nhận vòng quay tổng tài sản năm 2020 là 1,31 lần tăng 79,45% so với năm 2019, điều này cho thấy rằng Công ty đang sử dụng tài sản một cách có hiệu quả so với những năm trước.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tính đến ngày 31/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	1.983	40.432.867	404.328.670.000	72,21%
1	Cổ đông tổ chức	48	1.542.860	15.428.600.000	2,76%
2	Cổ đông cá nhân	1.935	38.890.007	388.900.070.000	69,45%
II	Cổ đông nước ngoài	122	15.562.916	155.629.160.000	27,79%
1	Cổ đông tổ chức	39	14.806.683	148.066.830.000	26,44%
2	Cổ đông cá nhân	83	756.233	7.562.330.000	1,35%
III	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng	2.105	55.995.783	559.957.830.000	100,00%

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Về tài nguyên môi trường

Công tác quản lý chất thải rắn tại công trình được chủ đầu tư, đơn vị thi công thực hiện theo đúng hướng dẫn, quy định tại Nghị định số 38/2015/CP-NĐ ngày 14/4/2015. Công tác quản lý chất thải rắn như sau:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Tổng lượng công nhân tham gia làm việc tại Nhà máy hiện nay là 540 người. Theo thống kê thì khối lượng rác sinh hoạt tại nhà máy khoảng 130 kg/ ngày. Nhà máy đã bố trí đầy đủ số lượng thùng chứa rác sinh hoạt tại những khu vực như: căn tin, phòng làm việc,... đảm bảo thu gom hết toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh. Bên cạnh đó nhà máy cũng đã ký hợp đồng thu gom với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định. Lượng rác thải sinh hoạt được thu gom cùng với rác thải sản xuất không nguy hại. Nhìn chung tại thời điểm khảo sát thì khuôn viên nhà máy là sạch sẽ và đảm bảo mỹ quan. Tính đến thời điểm hiện tại thì Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Bến Tre để thu gom và xử lý theo đúng quy định..

Đối với rác thải nguy hại

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 505 kg/ngày. Hiện tại, chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được thu gom định kỳ 2 lần/tuần, phần rác nguy hại chưa thu gom về kho chứa chất thải nguy hại phát sinh được sơn kẻ ô phân loại cho từng loại rác nguy hại. Bên cạnh đó thì nhà máy cũng thường xuyên kiểm tra kho chứa, đảm bảo tuân thủ đúng theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

Khối lượng chất thải nguy hại đã được nhà máy ký hợp đồng số 262020/HDXL.CL-ĐH ngày 09/3/2020 với Công ty TNHH Môi trường Chân Lý để thu gom và xử lý. Đây là

Rác thải sản xuất

Theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP, khối lượng phát sinh chất thải trong sản xuất tại hai nhà máy là khá lớn. Trung bình mỗi ngày phát sinh 60 tấn rác công nghiệp thông thường. Công tác thu gom, vận chuyển rác sản xuất từ khu vực sản xuất về kho chứa được nhân viên thực hiện thường xuyên, không để ứ đọng rác tại nơi làm việc. Nhà máy đã tiến hành ký Hợp đồng số 26/VXQN-ĐHBT ngày 1/1/2020 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Xanh QN thu gom và xử lý khối lượng rác thải sản xuất không nguy hại tại hai nhà máy. Nhìn chung, công tác thu gom và xử lý rác sản xuất không nguy hại tại nhà máy được diễn ra thường xuyên, đơn vị thu gom xử lý đảm bảo đầy đủ tính pháp lý theo quy định hiện hành.

đơn vị có đầy đủ chức năng trong thu gom - vận chuyển - xử lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành. Bên cạnh đó thì nhà máy còn định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý về tình hình thu gom, lưu trữ và xử lý rác thải nguy hại theo đúng quy định. Thống kê chủng loại, khối lượng theo đúng loại chất thải đã đăng ký tại sổ chủ nguồn thải CTNH. Trong năm 2020, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch. Không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe trong phạm vi hoạt động.

VỀ MÔI TRƯỜNG, LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI

Với việc đưa nhà máy giấy mới vào hoạt động chính thức, DHC đã thực hiện tuyển dụng một lượng lớn nhân công lao động để hỗ trợ thực hiện hoạt động sản xuất tại đây. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của công ty. Công tác đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công ty cũng không bỏ qua công tác bảo hộ lao động, trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc; nâng cấp, thay thế các máy móc thiết bị quá cũ để tránh nguy hiểm cho người lao động. Tuân thủ, thực hiện đầy đủ quy định an toàn vệ sinh lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra môi trường lao động cũng như đào tạo nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.

Ngoài việc kinh doanh kiếm lời, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Trong năm qua, DHC vẫn luôn quan tâm và đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; phòng chống dịch bệnh; Cán bộ công nhân viên của Công ty cũng tham gia các hoạt động phong trào xanh sạch, vệ sinh khu vực hoạt động tại gần các nhà máy; tham gia hoạt động từ thiện, hỗ trợ tặng quà tết cho các hoàn cảnh khó khăn, quà trung thu cho thiếu nhi.





3

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG GIẤY NĂM 2020

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



ĐÁNH GIÁ CHUNG THỊ TRƯỜNG GIẤY NĂM 2020

Theo VPPA, tổng tiêu dùng giấy toàn ngành ước đạt 5,448 triệu tấn, tăng trưởng nhẹ 0,2%. Xuất khẩu giấy đạt 1,75 triệu tấn, về giá trị đạt gần 2,0 tỷ USD và tăng trưởng 76,5%, đạt mức tăng trưởng cao cả về lượng và giá trị trong giai đoạn 2015 - 2020, trong đó, xuất khẩu giấy bao bì và giấy tissue đạt mức tăng trưởng cao cả về lượng và tốc độ tăng trưởng cao. Tiêu dùng giấy tissue có mức tăng trưởng mạnh nhất trong các kỳ gần đây. Tuy nhiên, giấy in, viết và giấy photocopy lại gặp thách thức không nhỏ trong năm 2020: tiêu dùng giảm -5,5% và cũng là mức giảm mạnh nhất trong giai đoạn 2015 - 2020, đặc biệt giấy photocopy ước tính giảm đến -30% so với cùng kỳ và cũng là lần đầu tiên giảm tăng trưởng trong giai đoạn 2010 - 2020. Thách thức lớn nhất với giấy in, giấy viết là tình trạng nhập khẩu ồ ạt từ Indonesia, Trung Quốc, Thái Lan và bán ra thị trường với giá rất rẻ, tại nhiều thời điểm được coi là bán dưới giá thành, đã tạo nên sự cạnh tranh khốc liệt và gây áp lực lớn đối với các doanh nghiệp nội địa sản xuất mặt hàng này. Nhập khẩu giấy các loại đạt 2,06 triệu tấn và tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2019.

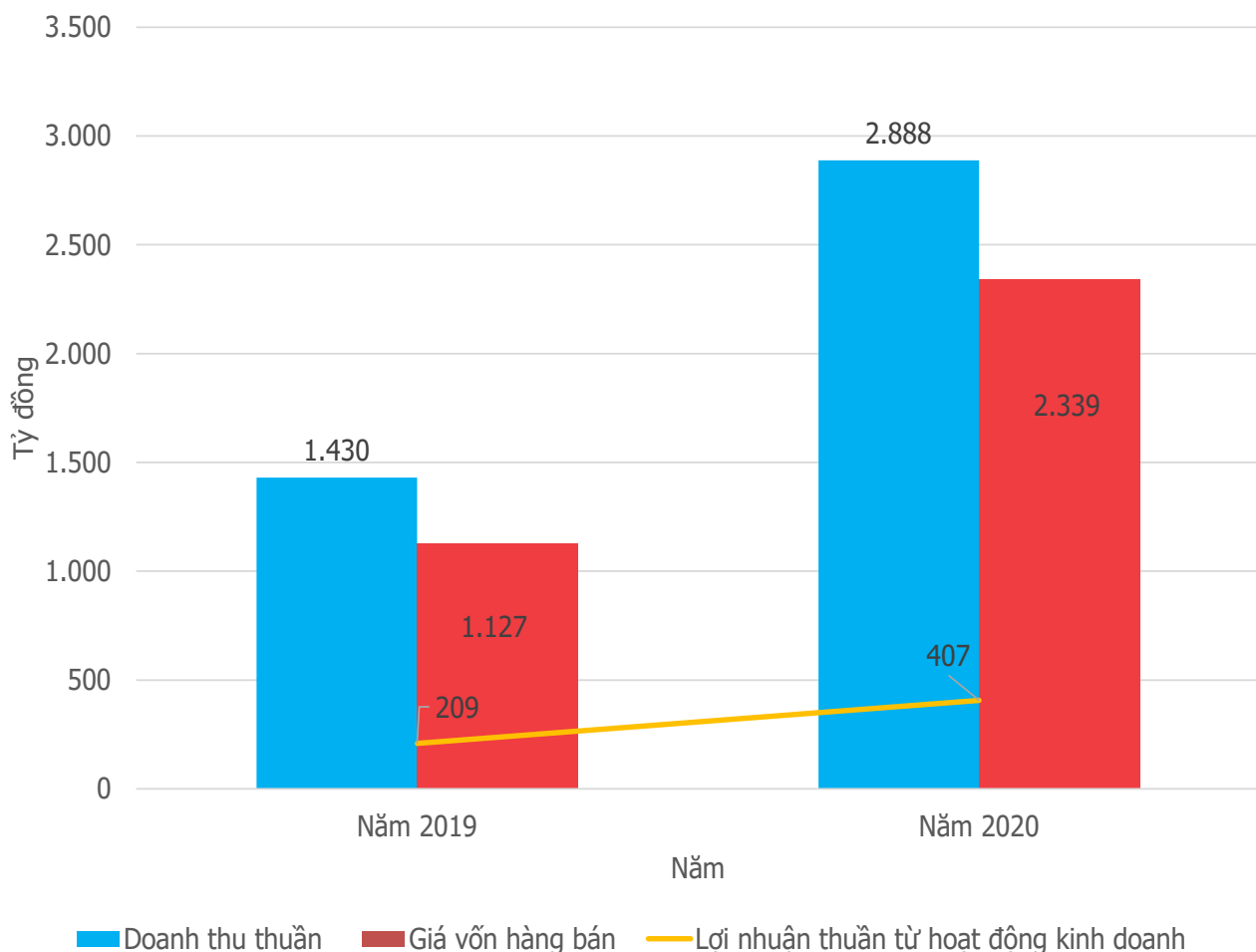


ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	1.429.886	2.887.571	101,94%
Giá vốn hàng bán	1.126.524	2.339.353	107,66%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	208.992	406.819	94,66%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	182.403	391.924	114,87%

Trong năm 2020, doanh thu công ty đạt 2.887 tỷ đồng tăng 101,94% so với năm 2019. Có được thành quả này một phần nhờ vào việc nhà máy giấy Giao Long 2 đã đi vào vận hành hoạt động vào quý 3 năm 2019, góp phần nâng cao sản lượng sản xuất, tạo tiền đề để Công ty bứt phá doanh thu trong năm nay. Việc giá nguyên liệu duy trì mức giá thấp trong nhiều tháng liền giúp cho Công ty cải thiện được biên lợi nhuận. Năm 2020, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 406,819 tỷ đồng tăng 94,66% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2020 đạt 391,924 tỷ tăng 114,87% so với năm 2019.



Thuận lợi và khó khăn trong năm 2020



Thuận lợi

Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA) chính thức có hiệu lực trong năm nay làm thuế nhập khẩu túi nhựa của Việt Nam vào EU với mức thuế suất là 3% sẽ được gỡ bỏ, tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể cho doanh nghiệp bao bì Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường EU.

Với việc hoàn thành dự án nhà máy Giao Long 2, DHC càng khẳng định bản thân là nhà sản xuất giấy và bao bì lớn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nơi tập trung và phát triển mạnh các ngành sản xuất công nghiệp, chế biến thực phẩm, dược phẩm, nông sản cần phải sử dụng bao bì để đóng gói và vận chuyển. So với khu vực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương), mức độ cạnh tranh ở địa bàn hoạt động của DHC thấp hơn do không có nhiều doanh nghiệp sản xuất bao bì quy mô lớn.

Khó khăn

Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 gây ra những tác động tiêu cực lên kinh tế Việt Nam nói chung và bản thân Công ty nói riêng. Dịch bệnh làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, gây nên khan hiếm nguyên vật liệu sản xuất.

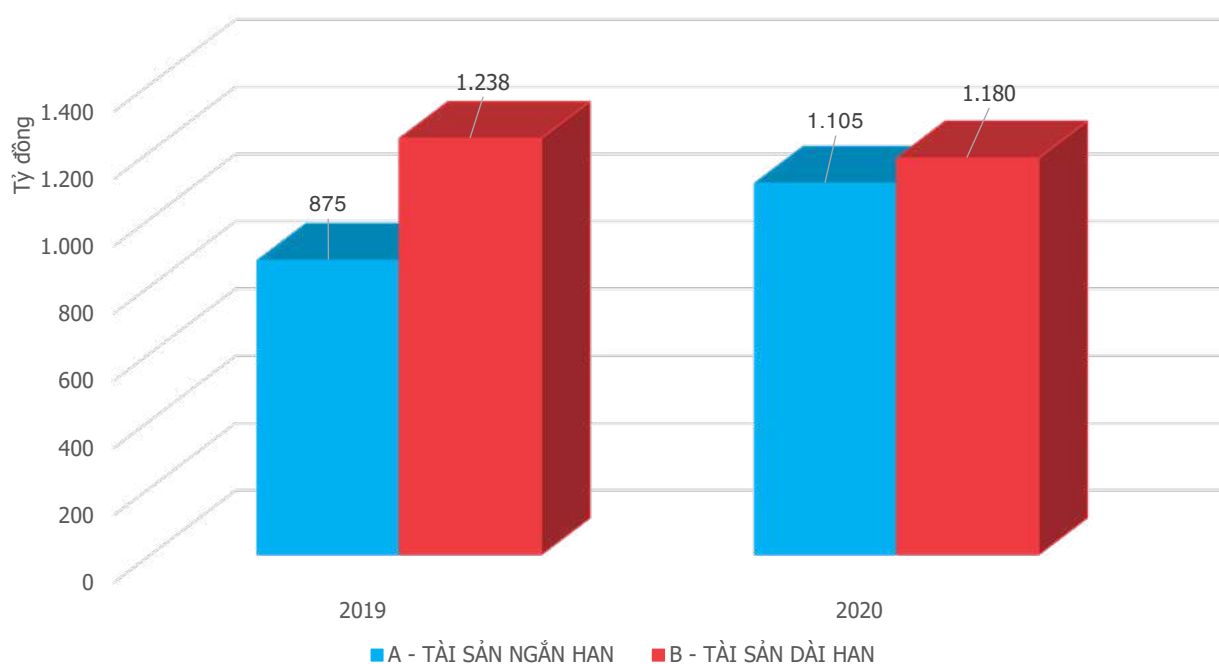
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	875.293	41,40%	1.104.660	48,36%
Tài sản dài hạn	1.238.800	58,60%	1.179.669	51,64%
Tổng tài sản	2.114.093	100,00%	2.284.329	100,00%

Năm 2020, tổng tài sản của Công ty tăng 8,05% so với năm 2019. Cụ thể, tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm nay đã tăng 26,20% so với năm 2019. Trong năm 2020, Công ty đã tăng tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền lần lượt 27,22%, 30,95%. Bên cạnh đó, khoản phải thu khách hàng tăng 39,99% so với năm 2019. Đây là những khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong mức tăng của tài sản ngắn hạn, là nguyên nhân chủ yếu làm tài sản ngắn hạn trong năm 2020 tăng so với năm 2019.



Tài sản dài hạn năm 2020 ghi nhận mức giảm 4,77% so với năm 2019 chủ yếu do khấu hao tài sản cố định trong kỳ là 102,77 tỷ đồng. Trong đó, nhà cửa và máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong khấu hao, ảnh hưởng trực tiếp đến mức giảm tài sản dài hạn của Công ty trong năm 2020. Dự án nhà máy giấy Giao Long 2 hoàn thành đi vào hoạt động sản xuất nên Công ty đã bắt đầu thực hiện khấu hao tài sản.



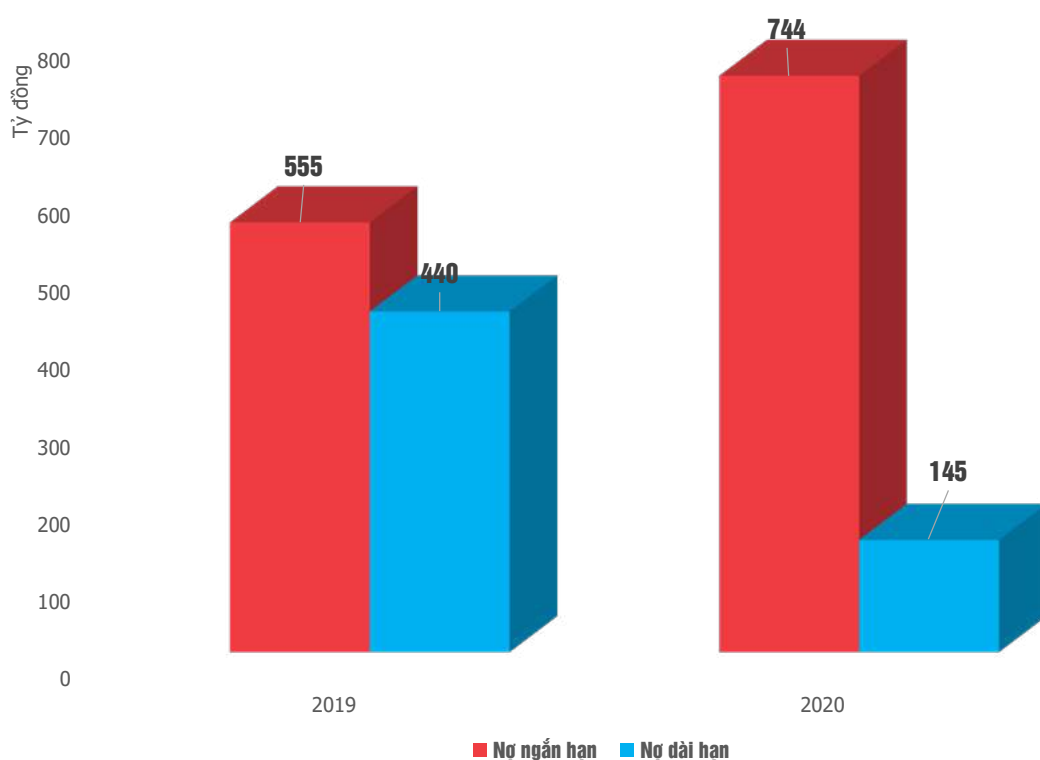
Tình hình nợ

Tổng nợ trong năm 2020 giảm 10,60% so với năm 2019. Trong đó, nợ dài hạn của Công ty ghi nhận mức giảm mạnh 295 tỷ đồng, giảm 67,05% so với năm 2019. Nguyên nhân giảm đến từ việc Công ty trong năm đã trả khoản vay 295 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Tiền Giang và khoản nợ vay còn lại đối với ngân hàng này là 145 tỷ đồng.

Nợ ngắn hạn trong năm 2020 ghi nhận mức tăng 189,443 tỷ đồng so với năm 2019. Cụ thể, khoản phải trả người bán và vay tài chính ngắn hạn tăng lần lượt 178,906 tỷ đồng và 31,41 tỷ đồng, các khoản này chiếm tỷ trọng lớn trong mức tăng của khoản nợ ngắn hạn.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	554.942	55,78%	744.385	83,70%
Nợ dài hạn	440.000	44,22%	145.000	16,30%
Tổng nợ phải trả	994.942	100,00%	889.385	100,00%



Những cải tiến trong năm

Tiếp tục duy trì Hệ thống quản lý chất lượng - môi trường ISO 9001:2015 và 14001:2015.

Công ty đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên phù hợp với từng vị trí công việc. Việc tuyển dụng vẫn tiếp tục duy trì để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thoải mái, an toàn, quan tâm và chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người lao động từ đó tạo ra lực đẩy gia tăng hiệu suất lao động, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch dự kiến cho năm 2021 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre :
 - + Doanh thu: 3.500 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 399 tỷ đồng
- Hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị cho công ty con Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre. Đưa máy vào vận hành thử nghiệm trong năm 2021 và hoạt động chính thức vào đầu năm 2022.



Kế hoạch hoạt động sản xuất năm 2021

Hoạt động sản xuất

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm, tránh khiếu nại, phản hồi từ khách hàng.
- Lên kế hoạch bảo trì, dự phòng máy móc thiết bị để máy hoạt động ổn định.
- Quản lý tốt các định mức sử dụng nguyên vật liệu của nhà máy.
- Sắp xếp kho bãi chứa giấy nguyên liệu và bảo quản giấy tốt.



Một số công tác năm 2021

Công tác bán hàng:

- Tìm kiếm và khai thác khách hàng mới tiềm năng cho Nhà máy Giao Long. Bán hàng gắn liền với thu hồi công nợ, không làm phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.
- Giữ vững sản lượng và doanh thu khách hàng cũ, tăng sản lượng khách hàng cũ, không để mất khách hàng lớn.

Công tác thu mua

- Đảm bảo nguồn nguyên liệu chạy máy luôn đầy đủ.
- Thiết bị dự phòng luôn kịp thời.



4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá chung

Dưới tác động tiêu cực của dịch COVID-19, năm 2020 là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam và Ngành giấy Việt Nam. Thị trường biến động, các chính sách điều hành kinh tế thay đổi trong bối cảnh đại dịch, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để khắc phục khó khăn đó, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty luôn tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện hết vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo và quản lý điều hành. Ngoài ra, Công ty còn luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, các tổ chức tài chính tín dụng, các đối tác kinh doanh...

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% Thực hiện 2020/ Kế hoạch 2020	% Thực hiện 2020/ Thực hiện 2019
Doanh thu thuần	1.429.886	2.680.000	2.887.571	107,75%	202%
Lợi nhuận sau thuế	182.403	300.000	391.924	130,64%	214%

Tính đến ngày 31/12/2020, doanh thu thuần đạt 2.887 tỷ đồng tăng 102% so với năm 2019 và vượt so với kế hoạch năm là 7,75%. Có được thành quả này một phần nhờ vào việc nhà máy giấy Giao Long 2 đã đi vào vận hành hoạt động trong quý 3 năm 2019, làm nâng cao sản lượng sản xuất, tạo tiền đề để Công ty bút phá doanh thu trong năm nay.

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 114% so với năm 2019 và vượt so với kế hoạch năm 30,64%. Đây là những kết quả đáng khích lệ đối với đội ngũ ban lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV Công ty đã khắc phục khó khăn, vươn lên mạnh mẽ trong đại dịch Covid-19.



ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc là hoạt động thường xuyên và liên tục. HĐQT tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty đối với các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra, việc thực hiện kế hoạch năm 2020 về thị trường, khách hàng và tiêu thụ hàng hóa, sử dụng vốn, việc sắp xếp bố trí nhân sự công ty,...

Năm 2020, các mặt hoạt động công ty duy trì phát triển ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực. Ban Tổng Giám đốc nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết trong công việc được giao, có nhiều nỗ lực cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.
- HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.
- Kế hoạch kinh doanh cụ thể:
 - + Doanh thu: 3.500 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế : 399 tỷ đồng



5

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Các nghị quyết / quyết định trong năm

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Lương Văn Thành	14	14/14	
Ông Lê Bá Phương	14	14/14	
Ông Lê Quang Hiệp	14	14/14	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	14	14/14	
Ông Tatsuyuki Ota	7	7/14	Miễn nhiệm từ ngày 15/07/2020
Ông Nguyễn Phan Dũng	6	6/14	Miễn nhiệm từ ngày 15/07/2020
Ông Marco Martinelli	7	7/14	Bổ nhiệm ngày 26/06/2020

Các nghị quyết / quyết định trong năm

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	16/01/2020	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4, năm 2019 và mục tiêu kế hoạch Quý 1 năm 2020.
02	02/NQ-HĐQT	16/01/2020	Thông nhất chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Tân Cảng Giao Long.
03	03/NQ-HĐQT	16/01/2020	Thông nhất phê duyệt Tờ trình 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2020 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2020.
04	04/NQ-HĐQT	16/01/2020	Thông nhất phê duyệt danh sách chi thưởng Ban điều hành Công ty. - Thông nhất phê duyệt danh sách chi thưởng HĐQT & BKS.
05	05/NQ-HĐQT	16/01/2020	Thông nhất phê duyệt Tờ trình 04/TT-HĐQT về việc đề nghị chi thưởng cho Ban Quản Lý Dự án Nhà máy giấy Giao Long - giai đoạn 2.
06	06/NQ-HĐQT	16/01/2020	Thành lập Ban quản lý thực hiện Dự án Nhà máy Bao bì số 01
07	07/NQ-HĐQT	23/03/2020	Thông nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt.
08	08/NQ-HĐQT	23/03/2020	Thông nhất thành lập Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre, là công ty con trực thuộc Công ty CP Đông Hải Bến Tre.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
09	09/NQ-HĐQT	26/03/2020	Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2020 tại NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.
10	10/NQ-HĐQT	26/03/2020	Thống nhất giải thể Ban quản lý Dự án Nhà máy Bao bì số 01.
11	11/NQ-HĐQT	26/03/2020	Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2020 và mục tiêu kế hoạch quý 2/2020.
12	12/NQ-HĐQT	15/05/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
13	13/NQ-HĐQT	15/05/2020	Thống nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
14	14/NQ-HĐQT	03/06/2020	Thống nhất thông qua Dự toán chi tiết dự án Nhà máy giấy Giao Long-giai đoạn 2.
15	15/NQ-HĐQT	03/06/2020	Thống nhất phê duyệt Tờ trình 01/TT-HĐQT ngày 30/05/2020 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/06/2020.
16	16/NQ-HĐQT	10/06/2020	Thống nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
17	17/NQ-HĐQT	26/06/2020	Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.
18	18/NQ-HĐQT	28/07/2020	Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 02/2020 và mục tiêu kế hoạch quý 3 năm 2020.
19	19/NQ-HĐQT	28/07/2020	Thống nhất miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT của ông Lê Bá Phương và chức danh Phó chủ tịch HĐQT của ông Lương Văn Thành. - Thống nhất bầu ông Lương Văn Thành giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 -2021, kể từ ngày 01/08/2020. - Thống nhất bầu ông Lê Bá Phương giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021, kể từ ngày 01/08/2020.
20	20/NQ-HĐQT	28/07/2020	Thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
21	21/NQ-HĐQT	09/09/2020	Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2020 tại NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.
22	22/NQ-HĐQT	05/10/2020	Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động tại NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam.
23	23/NQ-HĐQT	28/10/2020	Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 03/2020 và mục tiêu kế hoạch quý 4 năm 2020.
24	24/NQ-HĐQT	28/10/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020.
25	25/NQ-HĐQT	04/11/2020	Thống nhất phương án mua cổ phần Công ty CP DV Năng lượng Thành Công.
26	26/NQ-HĐQT	04/11/2020	Thông qua việc góp thêm vốn vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
27	27/NQ-HĐQT	24/11/2020	Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020.
28	28/NQ-HĐQT	24/11/2020	Thống nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2020.
29	29/NQ-HĐQT	26/11/2020	Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2020 tại NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.
30	30/NQ-IIĐQT	26/11/2020	Bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty con là Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre đối với mọi nghĩa vụ trả nợ liên quan đến các khoản vay vốn của Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.
31	31/NQ-HĐQT	10/12/2020	Thống nhất chi cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông.
32	32/NQ-HĐQT	22/12/2020	Thống nhất phương án tăng hạn mức tín dụng ngắn hạn tại NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn lưu động năm 2020 - 2021.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	4	4/4	100%	
02	Bà Đoàn Hồng Lan	4	4/4	100%	
03	Bà Mai Huyền Ngọc	4	3/4	100%	Miễn nhiệm từ ngày 10/12/2020
04	Ông Lê Hoàng Phong	1	1/4	100%	Bổ nhiệm ngày 10/12/2020

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Ban điều hành về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh, tình hình về biến động và tuyển dụng nhân sự quản lý.

Tham gia kiểm kê tồn kho 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 2020, kiểm kê TSCĐ. Đánh giá về qui trình quản lý kho, qui trình mua hàng nguyên vật liệu - mua sắm vật tư phụ tùng và thiết bị dự phòng.

Các khuyến nghị, đề xuất của BKS đều được HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐVT: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng lương năm 2020	Thù lao HĐQT/ BKS năm 2020	Thưởng HĐQT/ BKS	Thưởng Ban điều hành 2020
01	Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT / Phó TGD	939.345.293	126.000.000	200.000.000	150.000.000
02	Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ TGD	1.254.104.623	125.000.000	190.000.000	216.000.000
03	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT		97.000.000	150.000.000	
04	Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT		97.000.000	150.000.000	
05	Marco Martinelli	Thành viên HĐQT		55.000.000	75.000.000	
06	Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT		42.000.000	75.000.000	
07	Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT		42.000.000	75.000.000	
08	Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	626.066.937			100.000.000
09	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban kiểm soát		56.000.000	30.000.000	
10	Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS		27.000.000	22.000.000	
11	Lê Hoàng Phong	Thành viên BKS		3.000.000	10.000.000	
12	Mai Huyền Ngọc	Thành viên BKS		36.000.000	15.000.000	

Giao dịch/hợp đồng giữa công ty và người nội bộ, người liên quan của người nội bộ năm 2020: không có.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020



Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.



Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty và chi nhánh có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Phương	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên	
Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2020
Ông Marco Marinelly	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2020
Bà Mai Huyền Ngọc	Thành Viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61519127/22047818-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Đinh Anh Thư
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4635-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

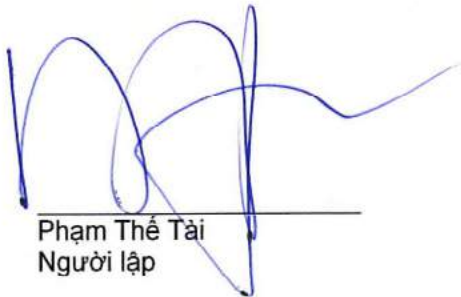
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.104.660.314.544	875.293.334.198
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	202.090.986.015	156.334.923.342
111	1. Tiền		92.090.986.015	72.334.923.342
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000	84.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	9.012.854.795	8.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.012.854.795	8.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		563.827.639.939	387.340.428.163
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	528.621.938.967	377.627.043.422
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	39.381.158.252	15.062.525.635
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		2.988.264.967	1.816.010.862
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(7.163.722.247)	(7.165.151.756)
140	IV. Hàng tồn kho	8	314.660.752.705	310.778.358.100
141	1. Hàng tồn kho		314.660.752.705	310.778.358.100
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.068.081.090	12.839.624.593
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	13.787.430.547	12.839.624.593
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.280.650.543	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.179.668.702.752	1.238.800.274.314
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.296.563.622	18.770.506.156
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	7.796.563.622	12.270.506.156
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		500.000.000	6.500.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.135.508.658.285	1.197.445.635.146
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.135.232.128.610	1.197.163.503.685
222	Nguyên giá		1.496.759.041.299	1.455.914.301.425
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(361.526.912.689)	(258.750.797.740)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	276.529.675	282.131.461
228	Nguyên giá		759.334.250	699.334.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(482.804.575)	(417.202.789)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		18.342.150.678	4.749.466.998
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	18.342.150.678	4.749.466.998
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		4.531.631.286	3.415.843.853
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	4.531.631.286	3.415.843.853
260	V. Tài sản dài hạn khác		12.989.698.881	14.418.822.161
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	12.989.698.881	14.418.822.161
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.284.329.017.296	2.114.093.608.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		889.384.700.833	994.941.561.611
310	I. Nợ ngắn hạn		744.384.700.833	554.941.561.611
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	408.814.919.189	229.909.361.250
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.110.769.973	5.075.258.490
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	14.752.240.513	31.882.257.679
314	4. Phải trả người lao động	17	17.988.892.031	14.738.216.665
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	7.803.334.674	11.723.914.866
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.623.698.422	2.843.474.836
320	8. Vay ngắn hạn	19	290.181.755.122	258.769.077.825
330	II. Nợ dài hạn		145.000.000.000	440.000.000.000
338	1. Vay dài hạn	19	145.000.000.000	440.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.394.944.316.463	1.119.152.046.901
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.394.944.316.463	1.119.152.046.901
411	1. Vốn cổ phần		559.957.830.000	559.957.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		559.957.830.000	559.957.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	235.247.935.803
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		39.241.141.068	30.161.760.258
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		560.497.409.592	293.784.520.840
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		168.573.821.706	111.381.060.782
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		391.923.587.886	182.403.460.058
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.284.329.017.296	2.114.093.608.512


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng





Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	2.887.713.712.689	1.430.030.972.251
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(143.188.500)	(144.865.700)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	21.1	2.887.570.524.189	1.429.886.106.551
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(2.339.353.334.338)	(1.126.524.279.929)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		548.217.189.851	303.361.826.622
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	9.949.607.631	3.809.918.583
22	7. Chi phí tài chính	23	(40.710.822.367)	(30.207.216.323)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(38.736.882.563)	(29.931.705.195)
24	8. Phần lãi trong công ty kết	12	1.115.787.433	815.843.853
25	9. Chi phí bán hàng	24	(87.998.170.475)	(49.009.092.405)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(23.754.855.757)	(19.778.850.170)
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		406.818.736.316	208.992.430.160
31	12. Thu nhập khác	26	3.995.596.254	12.188.273.828
32	13. Chi phí khác	26	(753.786.831)	(29.511.039)
40	14. Lợi nhuận khác	26	3.241.809.423	12.158.762.789
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		410.060.545.739	221.151.192.949
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(18.136.957.853)	(38.747.732.891)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		391.923.587.886	182.403.460.058
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		391.923.587.886	182.403.460.058
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	6.999	3.319
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	6.999	3.319


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng




Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		410.060.545.739	221,151,192,949
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	105.221.930.762	58.612.149.317
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(1.429.509)	572.532.429
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		499.762.600	(164.532.515)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.339.092.659)	(6.285.825.111)
06	Chi phí lãi vay	23	38.736.882.563	29.931.705.195
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		553.178.599.496	303.817.222.264
09	Tăng các khoản phải thu		(165.687.275.649)	(205.977.485.186)
10	Tăng (giảm) hàng tồn kho		(3.882.394.605)	26.412.981.935
11	Tăng các khoản phải trả		171.576.370.257	128.816.079.817
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		481.317.326	(13.432.067.147)
14	Tiền lãi vay đã trả		(37.542.000.245)	(25.520.066.687)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(35.026.674.753)	(19.146.553.346)
			(8.485.321.932)	(2.549.544.766)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		474.612.619.895	192.420.566.884
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(61.429.951.877)	(25.042.493.641)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		3.955.984.755	3.973.910.273
27	Tiền thu lãi ngân hàng		1.957.379.535	2.234.252.615
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(55.516.587.587)	(18.834.330.753)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	99.745.966.200
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.689.935.305.400	919.525.914.184
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(1.953.522.628.103)	(1.065.055.321.009)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	20.2	(109.752.566.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(373.339.888.703)	(45.783.440.625)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		45.756.143.605	127.802.795.506
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		156.334.923.342	28.532.090.163
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(80.932)	37.673
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	202.090.986.015	156.334.923.342


Phạm Thế Tài
Người lập

Ngày 29 tháng 3 năm 2021


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng




Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 539 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 489).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre.

Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1301091115 do SKHĐT tỉnh Bến Tre cấp ngày 28 tháng 4 năm 2020. Trụ sở chính tại Lô AIV8, AIV9, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 100% quyền biểu quyết trong Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp công với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện việc mua sắm và xây dựng tài sản mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi-sau-khi-mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	94.386.350	26.149.900
Tiền gửi ngân hàng	91.996.599.665	72.308.773.442
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>110.000.000.000</u>	<u>84.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>202.090.986.015</u>	<u>156.334.923.342</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba tháng, và hưởng lãi suất từ 2,9% đến 3% mỗi năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	<u>9.012.854.795</u>	<u>8.000.000.000</u>

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại, và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 4,9% mỗi năm.

Nhóm Công ty có thể chấp một phần khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 19).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam	55.320.591.810	38.266.566.525
- Công ty TNHH Bao bì YFY Hà Nam	26.505.207.606	20.793.736.040
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Vĩnh Hưng Đạt	24.381.631.740	22.896.872.550
- Khác	<u>422.414.507.811</u>	<u>295.669.868.307</u>
TỔNG CỘNG	<u>528.621.938.967</u>	<u>377.627.043.422</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(7.163.722.247)</u>	<u>(7.165.151.756)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>521.458.216.720</u>	<u>370.461.891.666</u>
Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	5.168.999.986	8.614.999.990
- Công Ty TNHH Vận Tải Trúc Lan Vy	1.473.045.000	864.600.000
- Khác	<u>1.154.518.636</u>	<u>2.790.906.166</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.796.563.622</u>	<u>12.270.506.156</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.165.151.756)	(6.592.619.327)
Dự phòng trích lập trong năm	(165.597.266)	(572.532.429)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	167.026.775	-
Số cuối năm	<u>(7.163.722.247)</u>	<u>(7.165.151.756)</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	5.385.600.000	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Phúc Thắng Tây Ninh	3.791.051.000	-
Khác	24.204.507.252	9.062.525.635
TỔNG CỘNG	<u>39.381.158.252</u>	<u>15.062.525.635</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	170.801.612.703	257.856.917.974
Hàng mua đang đi đường	118.030.934.411	28.858.933.958
Thành phẩm	25.366.883.251	23.537.225.329
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	347.013.233	264.341.340
Công cụ, dụng cụ	114.309.107	260.939.499
TỔNG CỘNG	<u>314.660.752.705</u>	<u>310.778.358.100</u>

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng	VND
Nguyên giá:							
Số đầu năm	359.608.283.323	1.053.041.793.899	38.296.416.462	4.774.097.741	193.710.000	1.455.914.301.425	
Mua sắm mới	5.485.732.164	1.320.700.000	4.382.545.454	1.483.475.546	-	12.672.453.164	
Đầu tư XDCB hoàn thành	29.916.672.351	2.198.206.318	2.989.936.364	-	-	35.104.815.033	
Thanh lý trong năm	(5.029.114.687)	(738.250.000)	(1.165.163.636)	-	-	(6.932.528.323)	
Số cuối năm	389.981.573.151	1.055.822.450.217	44.503.734.644	6.257.573.287	193.710.000	1.496.759.041.299	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	8.223.405.061	23.196.206.484	3.858.514.960	1.051.246.375	193.710.000	36.523.082.880	
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	(62.218.877.480)	(179.086.450.899)	(15.205.294.428)	(2.046.464.933)	(193.710.000)	(258.750.797.740)	
Khấu hao trong năm	(20.997.637.467)	(77.435.791.886)	(5.973.689.422)	(749.210.201)	-	(106.156.328.976)	
Thanh lý trong năm	819.111.830	735.164.275	825.937.922	-	-	2.380.214.027	
Số cuối năm	(82.397.403.117)	(255.787.078.510)	(20.353.045.928)	(2.795.675.134)	(193.710.000)	(361.526.912.689)	
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	297.389.405.843	873.955.343.000	23.091.122.034	2.727.632.808	-	1.197.163.503.685	
Số cuối năm	307.584.170.034	800.035.371.707	24.150.688.716	3.461.898.153	-	1.135.232.128.610	
Trong đó:							
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 19)	28.739.333.710	20.888.142.605	3.391.352.879	-	-	53.018.829.194	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	82.602.450	616.731.800	699.334.250
Mua sắm mới	-	60.000.000	60.000.000
Số cuối năm	<u>82.602.450</u>	<u>676.731.800</u>	<u>759.334.250</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	82.602.450	306.231.800	388.834.250
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(82.602.450)	(334.600.339)	(417.202.789)
Hao mòn trong năm	-	(65.601.786)	(65.601.786)
Số cuối năm	<u>(82.602.450)</u>	<u>(400.202.125)</u>	<u>(482.804.575)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	282.131.461	282.131.461
Số cuối năm	-	<u>276.529.675</u>	<u>276.529.675</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công trình Nhà máy Bao bì	9.672.669.353	-
Công trình Nhà máy Giao Long - Giai đoạn II	8.669.481.325	-
Công trình Nhà máy Giao Long - Giai đoạn I	-	3.834.542.845
Khác	-	914.924.153
TỔNG CỘNG	<u>18.342.150.678</u>	<u>4.749.466.998</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long (*)	26%	<u>4.531.631.286</u>	26%	<u>3.415.843.853</u>
TỔNG CỘNG		<u>4.531.631.286</u>		<u>3.415.843.853</u>

(*) Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 13009990134 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 12 tháng 8 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại Số 126, Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Bến Tre. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	VND
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>2.600.000.000</u>
Phản lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	815.843.853
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết	<u>1.115.787.433</u>
Số cuối năm	<u>1.931.631.286</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>3.415.843.853</u>
Số cuối năm	<u>4.531.631.286</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	13.787.430.547	12.839.624.593
Công cụ, dụng cụ	6.977.319.780	6.392.019.608
Chi phí sửa chữa	4.794.771.670	4.669.388.930
Phí bảo hiểm	1.977.937.314	718.688.797
Khác	37.401.783	1.059.527.258
Dài hạn	12.989.698.881	14.418.822.161
Công cụ, dụng cụ	12.900.737.498	10.959.572.371
Chi phí thuê đất	-	3.373.324.860
Khác	88.961.383	85.924.930
TỔNG CỘNG	<u>26.777.129.428</u>	<u>27.258.446.754</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các bên khác	402.043.539.189	225.553.361.250
- VIPA Lausanne SA	97.033.746.152	17.190.610.010
- America Chung Nam LLC	20.816.246.980	-
- Peute Papierrecycling BV	18.800.329.740	13.068.062.518
- Khác	265.393.216.317	195.294.688.722
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	6.771.380.000	4.356.000.000
TỔNG CỘNG	<u>408.814.919.189</u>	<u>229.909.361.250</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xiamen Haixia Supply Chain Development Ltd	444.596.103	-
Công ty TNHH Thành Đạt	411.853.750	-
Dongguan Yuguang Imports and Exports Trading Co., Ltd	346.303.350	-
Nanyang trade (HK) Co., Ltd	345.397.668	-
Kwok Fung (Sino HK) Enterprise Ltd	-	2.826.306.086
Jinhong Industrial (Hong Kong) Ltd	-	2.114.276.124
Khác	562.619.102	134.676.280
TỔNG CỘNG	2.110.769.973	5.075.258.490

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.553.467.771	18.136.957.854	(35.026.674.753)	7.663.750.872
Thuế thu nhập cá nhân	218.457.035	7.974.491.307	(7.941.374.072)	251.574.270
Thuế giá trị gia tăng	7.110.332.873	114.493.181.564	(114.766.599.066)	6.836.915.371
TỔNG CỘNG	31.882.257.679	140.604.630.725	(157.734.647.891)	14.752.240.513

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy Giao Long - Giai đoạn II	6.556.632.469	6.938.450.651
Chi phí lãi vay	1.194.882.318	2.956.164.384
Khác	51.819.887	1.829.299.831
TỔNG CỘNG	7.803.334.674	11.723.914.866

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng môi giới	2.160.767.135	2.330.057.549
Thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	447.717.287	185.675.595
Khác	15.214.000	327.741.692
TỔNG CỘNG	2.623.698.422	2.843.474.836

Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	258.769.077.825	1.689.935.305.400	(1.658.522.628.103)	290.181.755.122
Vay ngắn hạn đến hạn phải trả	198.769.077.825	1.689.935.305.400	(1.598.522.628.103)	290.181.755.122
	60.000.000.000	-	(60.000.000.000)	-
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	440.000.000.000	-	(295.000.000.000)	145.000.000.000
	440.000.000.000	-	(295.000.000.000)	145.000.000.000
TỔNG CỘNG	698.769.077.825	1.689.935.305.400	(1.953.522.628.103)	436.181.755.122

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	116.078.414.525	Từ ngày 23 tháng 3 năm 2021 đến ngày 28 tháng 5 năm 2021	4,0% - 5,0%	Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng vay số 01/2019/670908/HDTD, ngày 17 tháng 9 năm 2019
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	124.315.375.701	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 5 năm 2021	4,2% - Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 500 triệu theo hợp đồng cầm 5,0%	có giấy tờ số 01/2020/670908/HĐBĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2020
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.787.964.896	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2021 đến ngày 30 tháng 4 năm 2021	4,2%	Khoản phải thu từ Công ty TNHH Vina Sunwoo (Giá trị ước tính là 60.000.000.000 VND)
TỔNG CỘNG	290.181.755.122			

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Bảo đảm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	<u>145.000.000.000</u>	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2023 đến ngày 30 tháng 8 năm 2025	7,8%	Nhà máy Giao Long - Giai đoạn II (Thuyết minh số 9)
Trong đó: Vay dài hạn	145.000.000.000			

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	413.515.490.000	192.351.739.603	23.455.966.342	212.641.742.264	842.308.775.209
Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	34.459.770.000	27.365.196.200	-	-	61.824.966.200
Phát hành cổ phần cho người lao động	22.390.000.000	15.531.000.000	-	-	37.921.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	182.403.460.057	182.403.460.057
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.705.793.916	(6.705.793.916)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.682.317.565)	(2.682.317.565)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.280.000.000)	(2.280.000.000)
Phát hành cổ phiếu để thanh toán cổ tức	89.592.570.000	-	-	(89.592.570.000)	-
Số cuối năm	559.957.830.000	235.247.935.803	30.161.760.258	293.784.520.840	1.119.152.046.901
Năm nay					
Số đầu năm	559.957.830.000	235.247.935.803	30.161.760.258	293.784.520.840	1.119.152.046.901
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	391.923.587.886	391.923.587.886
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(109.752.566.000)	(109.752.566.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.079.380.810	(9.079.380.810)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.631.752.324)	(3.631.752.324)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.747.000.000)	(2.747.000.000)
Số cuối năm	559.957.830.000	235.247.935.803	39.241.141.068	560.497.409.592	1.394.944.316.463

(*) Công ty đã công bố tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2020 tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo phê duyệt của Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 31/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	559.957.830.000	413.515.490.000
Tăng trong năm	-	146.442.340.000
Vốn góp cuối năm	<u>559.957.830.000</u>	<u>559.957.830.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	109.752.566.000	89.592.570.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	109.752.566.000	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	89.592.570.000

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	55.995.783	55.995.783
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.995.783	55.995.783
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	55.995.783	55.995.783

20.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	391.923.587.886	182.403.460.058
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.631.752.324)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	391.923.587.886	178.771.707.733
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quán trong năm (cổ phiếu)	55.995.783	53.756.783
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND)	<u>6.999</u>	<u>3.193</u>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2018, Công ty đã chào bán 3.445.977 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2.

Chi tiết đợt chào bán:

STT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
2	Loại hình cổ phiếu	Cổ phiếu thường
3	Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
4	Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	3.445.977 cổ phần
5	Số lượng cổ phiếu đã phân phối	3.445.977 cổ phần
6	Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu	62.027.586.000 VND
7	Tổng chi phí chào bán	199.158.300 VND
8	Tổng thu ròng từ đợt chào bán	61.828.427.700 VND
9	Ngày bắt đầu chào bán	5 tháng 12 năm 2018
10	Ngày hoàn thành đợt chào bán	16 tháng 1 năm 2019

Tình hình sử dụng vốn:

Các chi phí liên quan đến dự án	VND Số tiền
Jiangsu Huadong Paper Machinery Co., Ltd	7.002.033.328
Công Ty TNHH Một Thành Viên Kỹ Thuật Công Nghệ Yong Jia Yu Việt Nam	5.242.553.675
Công ty TNHH ABB	4.672.254.000
Andritz Technologies H.K.Limited	4.072.840.000
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng và Công Nghệ Môi Trường Dương Nhật	3.815.257.135
Andritz (China) Ltd	2.898.272.320
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Phú An Khang	2.857.503.373
Công ty TNHH Hệ Thống Thiết Bị UMW	2.063.820.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Đại Hùng Cường	1.537.803.336
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Xây Dựng Minh Phát	1.779.107.887
Khác	12.593.887.600
TỔNG CỘNG	<u>48.535.332.654</u>

Theo đó, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2 với tổng số tiền là 13.293.095.046 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.887.713.712.689	1.430.030.972.251
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	2.885.980.077.653	1.426.726.927.113
<i>Doanh thu bán máy móc thiết bị</i>	1.690.563.636	1.478.700.000
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	43.071.400	1.825.345.138
Các khoản giảm trừ	(143.188.500)	(144.865.700)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(143.188.500)	(144.865.700)
Doanh thu thuần	2.887.570.524.189	1.429.886.106.551
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	2.885.836.889.153	1.426.582.061.413
<i>Doanh thu bán máy móc thiết bị</i>	1.690.563.636	1.478.700.000
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	43.071.400	1.825.345.138

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.877.446.848	1.471.093.181
Lãi tiền gửi	1.935.422.200	2.311.914.838
Khác	136.738.583	26.910.564
TỔNG CỘNG	9.949.607.631	3.809.918.583

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm	2.337.989.837.585	1.123.535.686.864
Giá vốn máy móc thiết bị	1.326.000.000	1.185.000.000
Giá vốn nguyên vật liệu	37.496.753	1.803.593.065
TỔNG CỘNG	2.339.353.334.338	1.126.524.279.929

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi tiền vay	38.736.882.563	29.931.705.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.913.939.804	275.511.128
Chiết khấu thanh toán	60.000.000	
TỔNG CỘNG	40.710.822.367	30.207.216.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	87.998.170.475	49.009.092.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.405.698.609	36.800.554.669
Chi phí nhân viên	11.848.311.845	4.547.539.187
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.882.450.384	3.842.334.516
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.370.448.476	2.258.293.843
Khác	1.491.261.161	1.560.370.190
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.754.855.757	19.778.850.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.203.228.811	6.386.360.274
Chi phí nhân viên	8.148.627.488	7.726.599.638
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.401.659.168	1.321.998.895
Khác	4.001.340.290	4.343.891.363
TỔNG CỘNG	111.753.026.232	68.787.942.575

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.873.032.645.362	1.097.431.149.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	521.701.035.962	262.252.885.033
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	105.221.930.762	58.612.149.317
Chi phí nhân viên	103.165.312.021	68.191.885.480
Khác	176.353.900.429	14.651.432.517
TỔNG CỘNG	2.779.474.824.536	1.501.139.501.630

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.995.596.254	12.188.273.828
Thu tiền bồi thường	3.217.963.861	8.437.650.758
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	3.265.708.374
Khác	777.632.393	484.914.696
Chi phí khác	753.786.831	29.511.039
Lỗ từ xóa sổ tài sản cố định	596.329.541	-
Khác	157.457.290	29.511.039
THU NHẬP KHÁC THUẦN	3.241.809.423	12.158.762.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty:

- Công ty được miễn ba năm thuế TNDN cho dự án nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 1 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2013 - 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tiếp theo (2016 - 2020). Các ưu đãi thuế này được áp dụng cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015; và
- Công ty được miễn ba năm thuế TNDN cho dự án nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2020 - 2022) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tiếp theo (2023 - 2027).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND
	Năm nay Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>18.136.957.853</u> <u>38.747.732.891</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND
	Năm nay Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>410.060.545.739</u> <u>221.151.192.949</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng:	82.012.109.148 44.230.238.590
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
Chi phí không được trừ	672.407.444 534.968.547
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(223.157.487) (163.168.771)
Thuế TNDN được miễn và giảm	<u>(64.324.401.252)</u> <u>(5.854.305.475)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>18.136.957.853</u> <u>38.747.732.891</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND				
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	26.691.157.500	11.618.200.000
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.177.489.984

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Lương Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	1.350.345.293	1.029.348.829
Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.700.104.623	1.314.275.657
Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	896.066.937	684.461.413
Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	188.000.000	195.000.000
Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	188.000.000	195.000.000
Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT	167.000.000	195.000.000
Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT	167.000.000	195.000.000
Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	21.000.000	-
TỔNG CỘNG		4.677.516.853	3.808.085.899

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải trả với bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.771.380.000	4.356.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.407.751.128	4.478.588.357
Từ 1 đến 5 năm	9.631.004.513	9.274.353.428
Trên 5 năm	30.417.490.623	29.912.591.226
TỔNG CỘNG	42.456.246.264	43.665.533.011

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.







Phạm Thế Tài
 Người lập

Lê Thị Hoàng Huệ
 Kế toán trưởng

Lê Bá Phương
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
 Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
 Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 23 /CV -CTĐH

Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2021

"V/v giải trình KQHĐKD hợp nhất năm 2020"

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán, Công ty CP Đông Hải Bến Tre có lãi 391.923.587.886 đồng, tăng 114,87 % so với năm 2019, nguyên nhân là do :

- Nhà Máy Giấy Giao Long – Giai đoạn II đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/09/2019, sản lượng sản xuất và bán ra tăng, giá giấy nguyên liệu và các chi phí đầu vào tăng, doanh thu thuần tăng 101,94%, giá vốn hàng bán tăng 107,66%.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 161,15% chủ yếu từ chênh lệch tỷ giá do thanh toán ngoại tệ cho Nhà cung cấp từ nguồn ngoại tệ thu từ xuất khẩu và đánh giá lại các khoản nợ phải trả, phải thu, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ.

- Chi phí bán hàng tăng 79,55% (chủ yếu là tăng chi phí vận chuyển và chi phí tiếp thị khách hàng).

- Thu nhập khác giảm 67,22% chủ yếu là do giảm các khoản thu bồi thường từ nhà cung cấp.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm là do được hưởng ưu đãi về thuế đối với dự án đầu tư mở rộng – Dự án Nhà Máy Giấy Giao Long – giai đoạn II.

Chi tiết :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	năm 2020	năm 2019	So Sánh	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	Đồng	2.887.570.524.189	1.429.886.106.551	1.457.684.417.638	101,94
2	Giá vốn hàng bán	Đồng	2.339.353.334.338	1.126.524.279.929	1.212.829.054.409	107,66
3	Doanh thu hoạt động TC	Đồng	9.949.607.631	3.809.918.583	6.139.689.048	161,15
4	Chi phí tài chính	Đồng	40.710.822.367	30.207.216.323	10.503.606.044	34,77
	Chi phí lãi vay	Đồng	38.736.882.563	29.931.705.195	8.805.177.368	29,42
5	Phần lãi trong công ty liên kết	Đồng	1.115.787.433	815.843.853	299.943.580	36,76
6	Chi phí bán hàng	Đồng	87.998.170.475	49.009.092.405	38.989.078.070	79,55
7	Chi phí QLDN	Đồng	23.754.855.757	19.778.850.170	3.976.005.587	20,10
8	Thu nhập khác	Đồng	3.995.596.254	12.188.273.828	(8.192.677.574)	(67,22)
9	Chi phí khác	Đồng	753.786.831	29.511.039	724.275.792	2.454,25
10	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Đồng	18.136.957.853	38.747.732.891	(20.610.775.038)	(53,19)
11	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	391.923.587.886	182.403.460.058	209.520.127.828	114,87

Công ty CP Đông Hải Bến Tre xin báo cáo giải trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM được rõ.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận :

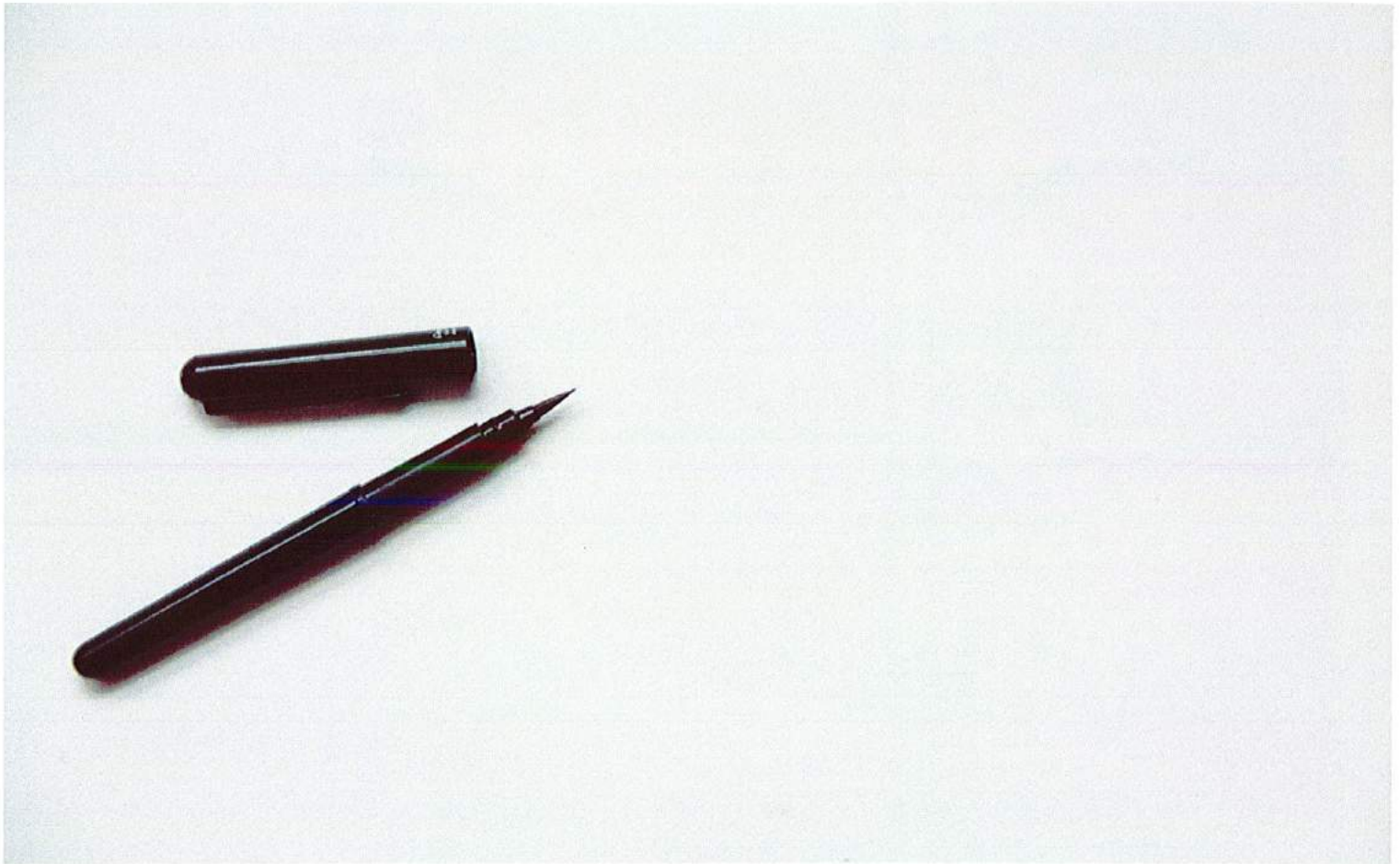
- Như trên;
- Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Bá Phương



Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2021
Người đại diện theo pháp luật



Lê Bá Phương